

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Văn Lưu	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hồng Hợp	Thành viên	
Ông Hồ Sỹ Huy Thảo	Thành viên	
Ông Hồ Văn Hưng	Thành viên	
Bà Võ Thị Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/04/2024
Ông Phạm Hồng Tài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/04/2024

Ban Kiểm soát

Ông Phùng Văn Tân	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Đình Lục	Thành viên	
Bà Võ Thị Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/04/2024

Ban Giám đốc

Ông Hồ Sỹ Huy Thảo	Giám đốc
Ông Hồ Văn Hưng	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kiểm toán kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Sỹ Huy Thảo
Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Số: 198/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2024, lỗ lũy kế của Công ty khoảng 24,2 tỷ đồng, ngoài ra, như trình bày tại Thuyết minh số 16 - Bản Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có khoản cổ tức phải trả các cổ đông quá hạn thanh toán với số tiền 4 tỷ đồng. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục, tuy nhiên Công ty đang có các giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh doanh trong các năm tương lai như đã trình bày ở Thuyết minh số 2.1 - Bản Thuyết minh báo cáo tài chính. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 280324.022/BCTC.KT1 ngày 28/03/2024.



Bùi Minh Đức
Giám đốc kiểm toán
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2021-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Trần Thanh Tùng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4051-2022-112-1

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113.706.482.076	89.426.754.104
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	16.884.200.579	301.793.219
Tiền	111		16.884.200.579	301.793.219
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.638.467.777	5.144.277.331
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	4.499.887.618	5.382.091.110
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.224.403.913	508.506.831
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	10.305.422.226	653.970.784
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.391.245.980)	(1.400.291.394)
Hàng tồn kho	140		81.737.071.541	83.043.240.760
Hàng tồn kho	141	9	81.737.071.541	91.427.036.689
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(8.383.795.929)
Tài sản ngắn hạn khác	150		446.742.179	937.442.794
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	446.382.533	314.645.564
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	359.646	622.797.230
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.361.233.580	27.365.630.362
Các khoản phải thu dài hạn	210		375.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	7	375.000.000	-
Tài sản cố định	220		13.839.873.921	20.543.158.918
Tài sản cố định hữu hình	221	10	13.839.873.921	20.543.158.918
- Nguyên giá	222		86.277.417.558	86.986.031.739
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.437.543.637)	(66.442.872.821)
Tài sản dở dang dài hạn	240		514.691.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		514.691.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		8.631.668.659	6.822.471.444
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	8.631.668.659	6.822.471.444
TỔNG TÀI SẢN	270		137.067.715.656	116.792.384.466

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		95.046.957.301	104.875.723.359
Nợ ngắn hạn	310		95.046.957.301	104.875.723.359
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	49.028.841.613	50.894.010.316
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.602.964	3.709.273
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	12.337.500	344.000
Phải trả người lao động	314		3.775.155.598	3.986.904.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.194.315.191	923.688.405
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	5.456.141.906	6.177.535.710
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	34.141.317.933	40.098.604.059
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.434.244.596	2.790.927.596
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.020.758.355	11.916.661.107
Vốn chủ sở hữu	410	17	42.020.758.355	11.916.661.107
Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		978.000.000	978.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		25.309.822.914	25.309.822.914
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(24.267.064.559)	(54.371.161.807)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(54.371.161.807)	(20.483.544.866)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		30.104.097.248	(33.887.616.941)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		137.067.715.656	116.792.384.466

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Văn Hoà

Nguyễn Văn Hoà

Hồ Sỹ Huy Thảo

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	390.737.759.000	347.116.372.500
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		390.737.759.000	347.116.372.500
Giá vốn hàng bán	11	19	349.900.610.891	372.582.158.024
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20		40.837.148.109	(25.465.785.524)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	15.254.443	7.315.259
Chi phí tài chính	22	21	2.306.983.601	2.975.086.933
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.306.983.601	2.877.184.913
Chi phí bán hàng	25	24	2.466.077.240	2.021.836.013
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	6.278.938.119	5.227.000.274
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.800.403.592	(35.682.393.485)
Thu nhập khác	31		405.012.000	1.889.568.369
Chi phí khác	32		101.318.344	94.791.825
Lợi nhuận khác	40		303.693.656	1.794.776.544
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.104.097.248	(33.887.616.941)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.104.097.248	(33.887.616.941)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	7.526	(8.472)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	7.526	(8.472)

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hoà

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoà



Giám đốc

Hồ Sỹ Huy Thảo

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	390.480.255.769	340.774.193.529
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(346.682.920.087)	(319.626.830.566)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.779.464.000)	(14.205.311.086)
Tiền lãi vay đã trả	04	(2.383.814.967)	(2.765.054.800)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	607.563.705	162.401.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.678.940.477)	(3.460.332.755)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.562.679.943	879.065.322
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(443.252.900)	(2.153.419.400)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	405.012.000	1.889.568.369
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.254.443	7.315.259
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.986.457)	(256.535.772)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	111.488.537.918	100.850.402.419
Tiền trả nợ gốc vay	34	(117.445.824.044)	(102.649.973.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.957.286.126)	(1.799.571.231)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	16.582.407.360	(1.177.041.681)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	301.793.219	1.478.834.900
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	16.884.200.579	301.793.219

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoà

Nguyễn Văn Hoà



Hồ Sỹ Huy Thảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty con thuộc Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh, được thành lập theo Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 16/06/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3001065982 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 07/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 17/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại xóm Vĩnh Cát, xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Vốn điều lệ của công ty theo đăng ký là 40.000.000.000 đồng, vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 40.000.000.000 đồng; tương đương 4.000.000 cổ phần, hiện đang giao dịch trên sàn UPCoM, mã cổ phiếu: MLS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 126 người (tại ngày 01/01/2024 là 131 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty

- Chăn nuôi lợn siêu nạc;
- Sản xuất kinh doanh lợn thương phẩm, lợn giống các cấp.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, lỗ lũy kế là 24,2 tỷ đồng. Ngoài ra, như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 - Bản Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có khoản cổ tức phải trả cho các cổ đông đã quá hạn thanh toán với số tiền 4 tỷ đồng.

Ban Giám đốc Công ty thường xuyên đánh giá các ảnh hưởng và triển khai các giải pháp đối với khó khăn về tình hình tài chính để duy trì khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện gồm:

- Công ty đã đàm phán với các bên và đã nhận được sự hỗ trợ tài chính từ ngân hàng, chủ sở hữu và các nhà cung cấp để đảm bảo nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và tái đầu tư.
- Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh trong năm để đảm bảo Công ty kinh doanh hiệu quả, cụ thể trong năm 2024 Công ty đang lãi trên 30,1 tỷ đồng trong khi năm trước Công ty lỗ trên 33,8 tỷ đồng.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong niên độ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất theo vòng đời sinh học của lợn.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
- Súc vật làm việc và cho sản phẩm	02

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, lợn giống bố mẹ, chi phí thuê chuồng trại, công cụ dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác.

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả trong năm, gồm: Chi phí lãi vay ngân hàng.
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm.

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá và doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.13 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

3.14 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Chính sách ưu đãi thuế

Theo Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập từ sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tổng Công ty, các bên liên doanh khác.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan trong năm được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	392.717.000	88.214.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.491.483.579	213.579.219
Cộng	16.884.200.579	301.793.219

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO

Xóm Vĩnh Cát, xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	4.499.887.618	(956.848.979)	5.382.091.110	(952.333.394)
- Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	386.984.500	(386.984.500)	386.984.500	(386.984.500)
- Ông Hồ Văn Lương	1.907.065.160	-	1.850.636.800	-
- Bà Nguyễn Thị Nhi	1.489.708.280	-	1.929.162.720	-
- Ông Trần Văn Dương	58.004.700	-	529.121.700	-
- Các khách hàng khác	658.124.978	(569.864.479)	686.185.390	(565.348.894)
Cộng	4.499.887.618	(956.848.979)	5.382.091.110	(952.333.394)
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	386.984.500	(386.984.500)	386.984.500	(386.984.500)

(Chi tiết trình bày tại thuyết minh 28)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.224.403.913	(79.000.000)	508.506.831	(79.000.000)
- Ông Võ Kim Dự	50.000.000	-	-	-
- Ông Võ Hữu Sinh	200.000.000	-	45.000.000	-
- Núi Cẩm Lạc (Anh Thuận)	236.217.000	-	-	-
- Ông Phạm Văn Sơn	170.000.000	-	-	-
- Ông Kiều Đình Cảnh	-	-	139.714.000	-
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	-	-	1.042.054	-
- Các đối tượng khác	568.186.913	(79.000.000)	322.750.777	(79.000.000)
Cộng	1.224.403.913	(79.000.000)	508.506.831	(79.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - Mitraco

Xóm Vĩnh Cát, xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	10.305.422.226	(375.397.000)	653.970.784	(368.958.000)
- Tạm ứng chi phí hoạt động	117.000.000	-	278.573.784	-
- Tiền tạm ứng chi phí gia công chăn nuôi	358.568.000	(358.568.000)	358.568.000	(358.568.000)
- Phải thu chiết khấu mua hàng năm 2024	9.813.025.226	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	16.829.000	(16.829.000)	16.829.000	(10.390.000)
Dài hạn	375.000.000	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược	375.000.000	-	-	-
Cộng	10.680.422.226	(375.397.000)	653.970.784	(368.958.000)

8. NỢ XẤU

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Mitraco	386.984.500	-	(386.984.500)	386.984.500	-	(386.984.500)
- Công ty TNHH Khánh Giang	174.508.000	-	(174.508.000)	174.508.000	-	(174.508.000)
- Ông Trần Hậu Ngân	176.552.468	-	(176.552.468)	176.552.468	-	(176.552.468)
- Các đối tượng khác	677.716.598	24.515.586	(653.201.012)	675.057.246	12.810.820	(662.246.426)
Cộng	1.415.761.566	24.515.586	(1.391.245.980)	1.413.102.214	12.810.820	(1.400.291.394)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	8.582.301.190	-	11.572.186.434	-
- Công cụ, dụng cụ	34.456.432	-	28.481.049	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	73.120.313.919	-	79.826.369.206	(8.383.795.929)
Cộng	81.737.071.541	-	91.427.036.689	(8.383.795.929)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2024	75.836.912.456	6.644.287.421	2.813.702.391	341.729.471	1.349.400.000	86.986.031.739
- Mua trong năm	-	357.752.900	90.000.000	-	-	447.752.900
- Thanh lý, nhượng bán	-	(405.567.081)	-	-	(750.800.000)	(1.156.367.081)
31/12/2024	75.836.912.456	6.596.473.240	2.903.702.391	341.729.471	598.600.000	86.277.417.558
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2024	(58.740.776.403)	(5.127.956.823)	(1.274.528.448)	(341.729.471)	(957.881.676)	(66.442.872.821)
- Khấu hao trong năm	(5.946.206.294)	(593.201.382)	(220.046.400)	-	(325.752.058)	(7.085.206.134)
- Thanh lý, nhượng bán	-	376.952.107	-	-	713.583.211	1.090.535.318
31/12/2024	(64.686.982.697)	(5.344.206.098)	(1.494.574.848)	(341.729.471)	(570.050.523)	(72.437.543.637)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2024	17.096.136.053	1.516.330.598	1.539.173.943	-	391.518.324	20.543.158.918
31/12/2024	11.149.929.759	1.252.267.142	1.409.127.543	-	28.549.477	13.839.873.921

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 số tiền là 13.834.783.989 đồng (tại ngày 01/01/2024 số tiền là 7.798.259.807 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 số tiền là 24.667.789.282 đồng (tại ngày 01/01/2024 số tiền là 17.324.230.554 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	446.382.533	314.645.564
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.500.001	22.807.405
- Chi phí thuê chuồng trại	269.335.220	263.696.129
- Chi phí sửa chữa	171.547.312	28.142.030
b) Dài hạn	8.631.668.659	6.822.471.444
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	444.435.382	564.684.135
- Lợn nái, lợn giống	459.302.096	1.169.895.139
- Chi phí thuê chuồng, trại, đất	2.227.134.007	2.820.087.237
- Chi phí giải phóng mặt bằng	1.869.843.407	1.918.201.427
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	3.625.968.735	342.645.381
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.985.032	6.958.125
Cộng	9.078.051.192	7.137.117.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	49.028.841.613	49.028.841.613	50.894.010.316	50.894.010.316
- Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	4.502.012.128	4.502.012.128	4.795.800.553	4.795.800.553
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	120.000.000	120.000.000	796.340.000	796.340.000
- Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	-	-	133.060.000	133.060.000
- Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Hồng Hà	14.124.975.977	14.124.975.977	17.977.063.759	17.977.063.759
- Chi nhánh Công ty TNHH De HEUS tại Vĩnh Phúc	19.261.217.550	19.261.217.550	12.806.833.700	12.806.833.700
- Các nhà cung cấp khác	11.020.635.958	11.020.635.958	14.384.912.304	14.384.912.304
Cộng	49.028.841.613	49.028.841.613	50.894.010.316	50.894.010.316
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại thuyết minh 28)	4.622.012.128	4.622.012.128	5.725.200.553	5.725.200.553

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	344.000	12.337.500	344.000	12.337.500
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	33.331.001	33.331.001	-
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	18.348.735	18.348.735	-
	344.000	68.017.236	56.023.736	12.337.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nhận/khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	607.563.705	-	607.563.705	-
- Thuế thu nhập cá nhân	15.233.525	36.707.348	21.833.469	359.646
	622.797.230	36.707.348	629.397.174	359.646

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	34.141.317.933	34.141.317.933	111.488.537.918	117.445.824.044	40.098.604.059	40.098.604.059
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương - CN Hà Tĩnh (1)	29.041.317.933	29.041.317.933	111.488.537.918	112.445.824.044	29.998.604.059	29.998.604.059
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngõ Đức Nam (2)	900.000.000	900.000.000	-	-	900.000.000	900.000.000
- Nguyễn Quang Hưng (3)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
- Trương Thị Hương Trâm (4)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
- Trần Văn Phong (5)	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
- Trần Văn Quý (6)	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
- Nguyễn Thị Khánh Chi (7)	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	34.141.317.933	34.141.317.933	111.488.537.918	117.445.824.044	40.098.604.059	40.098.604.059
Vay là các bên liên quan	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
(Chi tiết tại thuyết minh số 28)						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 31/24/NH/KHDN giữa Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh
Hạn mức vay: 30.000.000.000 đồng, số dư nợ vay tại 31/12/2024 là 29.041.317.933 đồng, thời hạn vay: 05 tháng, lãi suất: 5,2% - 5,8%
Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh
Hình thức bảo đảm: Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp sau:
 - Hợp đồng thế chấp số 15/2516TC/VCB.Hti ngày 23/03/2015, số 2040/2017/TC/KHDN ngày 24/10/2017 và số 2041/2017/TC/KHDN ngày 24/10/2017 thế chấp tài sản là tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị tại hai Trung tâm chăn nuôi lợn chất lượng cao thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco tại xã Thạch Vĩnh, huyện Thạch Hà và tại xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh.
 - Hợp đồng 277/19/TC/KHDN ngày 08/01/2018 thế chấp tài sản là hàng tồn kho và lợn đang trong quá trình chăn nuôi.
 - Hợp đồng thế chấp tài sản số 382/19/TC/KHDN ngày 08/07/2019 thế chấp tài sản là quyền đòi nợ các khoản phải thu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco.
- (2) Hợp đồng vay vốn số 02.11.2023/HĐVV giữa ông Ngô Đức Nam và Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco
Số tiền vay: 900.000.000 đồng, thời hạn vay: 07 tháng, lãi suất: 8,8%
Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh
Hình thức bảo đảm: Không có tài sản bảo đảm.
- (3) Hợp đồng vay vốn số 03.11.2023/HĐVV giữa ông Nguyễn Quang Hưng và Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco
Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 08 tháng, lãi suất: 8,8%
Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh
Hình thức bảo đảm: Không có tài sản bảo đảm.
- (4) Hợp đồng vay vốn số 09.11.2023/HĐVV giữa bà Trương Thị Hương Trâm và Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco
Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 09 tháng, lãi suất: 8,8%
Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh
Hình thức bảo đảm: Không có tài sản bảo đảm.
- (5) Hợp đồng vay vốn số 21.11.2023/HĐVV giữa ông Trần Văn Phong và Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco
Số tiền vay: 500.000.000 đồng, thời hạn vay: 10 tháng, lãi suất: 8,8%
Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh
Hình thức bảo đảm: Không có tài sản bảo đảm.
- (6) Hợp đồng vay vốn số 22.11.2023/HĐVV giữa ông Trần Văn Quý và Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco
Số tiền vay: 500.000.000 đồng, thời hạn vay: 11 tháng, lãi suất: 8,8%
Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh
Hình thức bảo đảm: Không có tài sản bảo đảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay:

- (7) Hợp đồng vay vốn số 24.11.2023/HĐVV giữa bà Nguyễn Thị Khánh Chi và Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco
Số tiền vay: 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất: 8,8%
Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh
Hình thức bảo đảm: Không có tài sản bảo đảm.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	1.194.315.191	923.688.405
- Chi phí lãi vay	51.676.191	137.578.405
- Trích trước chi phí giá công lớn	1.142.639.000	786.110.000
Cộng	1.194.315.191	923.688.405
Chi phí phải trả là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 28)	-	82.246.576

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	5.456.141.906	6.177.535.710
- Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	-	166.374.454
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	384.400.000	378.700.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.000.000.000	4.000.000.000
- Lãi vay phải trả	-	17.693.750
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.071.741.906	1.614.767.506
Cộng	5.456.141.906	6.177.535.710

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	40.000.000.000	978.000.000	25.309.822.914	(20.483.544.866)	45.804.278.048
- (Lỗ) trong năm	-	-	-	(33.887.616.941)	(33.887.616.941)
31/12/2023	40.000.000.000	978.000.000	25.309.822.914	(54.371.161.807)	11.916.661.107
01/01/2024	40.000.000.000	978.000.000	25.309.822.914	(54.371.161.807)	11.916.661.107
- Lãi trong năm	-	-	-	30.104.097.248	30.104.097.248
31/12/2024	40.000.000.000	978.000.000	25.309.822.914	(24.267.064.559)	42.020.758.355

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	sở hữu %	VND	sở hữu %
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	20.510.000.000	51,28%	20.510.000.000	51,28%
- Các cổ đông khác	19.490.000.000	48,72%	19.490.000.000	48,72%
Cộng	40.000.000.000	100,00%	40.000.000.000	100,00%

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

17.5 CÁC QUỸ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	25.309.822.914	25.309.822.914
Cộng	25.309.822.914	25.309.822.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu	390.737.759.000	347.116.372.500
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	390.737.759.000	347.116.372.500
Cộng	390.737.759.000	347.116.372.500
Doanh thu với các bên liên quan: (Chi tiết trình bày tại thuyết minh 28)	683.088.000	3.827.905.000

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	349.900.610.891	364.198.362.095
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	8.383.795.929
Cộng	349.900.610.891	372.582.158.024

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi	15.254.443	7.315.259
Cộng	15.254.443	7.315.259

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền vay	2.306.983.601	2.877.184.913
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư cuối năm	-	97.902.020
Cộng	2.306.983.601	2.975.086.933

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được	-	1.829.238.369
- Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	405.012.000	60.330.000
Cộng	405.012.000	1.889.568.369

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	82.343.857	92.720.673
- Các khoản bị phạt	18.974.487	2.071.152
Cộng	101.318.344	94.791.825

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	6.278.938.119	5.227.000.274
- Chi phí nhân viên quản lý	2.624.361.700	2.193.724.783
- Chi phí vật liệu quản lý	220.335.991	242.857.500
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	-	5.472.380
- Thuế, phí và lệ phí	238.596.029	118.331.365
- Chi phí dự phòng	(9.045.414)	5.785.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	873.207.019	1.058.232.246
- Chi phí bằng tiền khác	2.331.482.794	1.602.597.000
Các khoản chi phí bán hàng	2.466.077.240	2.021.836.013
- Chi phí nhân công	652.735.560	554.627.533
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.150.265.920	1.037.568.480
- Chi phí bằng tiền khác	663.075.760	429.640.000
Cộng	8.745.015.359	7.248.836.287

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.104.097.248	(33.887.616.941)
Các khoản điều chỉnh tăng	501.299.328	3.072.256.061
- Chi phí phạt hành chính thuế	18.973.328	2.071.152
- Chi phí khấu hao không phù hợp quy định	-	24.999.996
- Thủ lao HDQT và BKS không chuyên trách	284.000.000	168.000.000
- Chi phí lãi vay không được trừ	-	2.877.184.913
- Chi phí không hợp lý khác	198.326.000	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	30.605.396.576	(30.815.360.880)
Lỗi năm trước chuyển sang	(30.605.396.576)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	(30.815.360.880)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	302.410.810.982	330.401.505.078
- Chi phí nhân công	21.277.781.416	19.153.437.315
- Khấu hao tài sản cố định	7.068.694.040	7.642.989.084
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.078.328.483	25.169.739.490
- Chi phí dự phòng	(9.045.414)	5.785.000
- Chi phí bằng tiền khác	3.453.982.583	2.446.588.873
Cộng	360.280.552.090	384.820.044.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận sau thuế	30.104.097.248	(33.887.616.941)
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	30.104.097.248	(33.887.616.941)
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong kỳ	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.526	(8.472)

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

STT	Tên	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	Công ty con của Công ty mẹ
3	Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Mitraco	Công ty con của Công ty mẹ
4	Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	Công ty con của Công ty mẹ
5	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm 2024 và số dư tại ngày 31/12/2024 với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với bên liên quan:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	683.088.000	3.827.905.000
- Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	683.088.000	3.827.905.000
Mua hàng hóa dịch vụ	29.794.009.575	32.145.935.700
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	562.000.000	540.500.000
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Thiên Lộc	29.232.009.575	31.605.435.700
Vay vốn	-	8.000.000.000
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	-	8.000.000.000
Trả nợ gốc vay	5.000.000.000	5.000.000.000
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	5.000.000.000	5.000.000.000
Lãi tiền vay	197.719.444	266.141.021
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	197.719.444	266.141.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với bên liên quan:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng	386.984.500	386.984.500
- Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Mitraco	386.984.500	386.984.500
Phải trả cho người bán ngắn hạn	4.622.012.128	5.725.200.553
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Thiên Lộc	4.502.012.128	4.795.800.553
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	120.000.000	796.340.000
- Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	-	133.060.000
Chi phí phải trả	-	82.246.576
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	-	82.246.576

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Ông Võ Văn Lưu	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	48.000.000
- Ông Bùi Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	-	24.000.000
- Ông Nguyễn Hồng Hợp	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
- Bà Võ Thị Hoa	Thành viên HĐQT	34.400.000	48.000.000
- Ông Phạm Hồng Tài	Thành viên HĐQT	32.000.000	-
- Ông Hồ Sỹ Huy Thảo	Giám đốc/ Thành viên HĐQT	285.237.000	243.251.000
- Ông Hồ Văn Hưng	Phó Giám đốc/ Thành viên HĐQT	256.469.000	227.864.200
- Ông Phùng Văn Tân	Trưởng ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
- Ông Nguyễn Đình Lục	Thành viên BKS	197.324.000	30.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Văn	Thành viên BKS	-	17.500.000
		973.430.000	734.615.200

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hoà

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoà

Giám đốc



Hồ Sỹ Huy Thảo